

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **01/2025/HC-PT**

Ngày: 02-01-2025

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phùng Anh Dũng**

Các thẩm phán: Ông **Phạm Ngọc Thái**

Ông **Võ Ngọc Thông**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Ngô Ý Nhi** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 227/2024/TLPT-HC ngày 09 tháng 8 năm 2024 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2024/HC-ST ngày 27/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Doanh nghiệp tư nhân N1

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Trương Thị Thủy T**, sinh năm 1974; Địa chỉ: **Thôn D, xã D, huyện Đ, tỉnh Kon Tum**;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Trương Thị Tú T1**; Địa chỉ: **Thôn H, xã D, huyện Đ, tỉnh Kon Tum**. (Có mặt)

- Người bị kiện: Đội trưởng đội quản lý thị trường số B thuộc Cục quản lý thị trường tỉnh K (ông **Nguyễn Đình P**).

Địa chỉ: **Khối phố H, TT Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum** (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 26/01/2024 Đội trưởng **đội quản lý thị trường số B** ban hành Quyết định hành chính số 3602002/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với **Doanh Nghiệp Tư Nhân N1**, hình thức phạt tiền, số tiền 25.000.000 đồng với lý do:

Kinh doanh ở địa điểm mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp thực hiện hoạt động kinh doanh.

Không đồng ý với quyết định hành chính trên, Doanh nghiệp tư nhân N1 khởi kiện, yêu cầu:

Hủy Quyết định số 3602002/QĐ-XPVPHC ngày 26/01/2024 của Đội trưởng Đội QLTT số 2.

Lý do: Trong quá trình xử lý và ban hành quyết định, Đội trưởng **B** đã có sai phạm sau:

Thứ nhất: Ngày 14/01/2024 là ngày nghỉ cuối tuần, doanh nghiệp không hoạt động kinh doanh, nhưng Đội trưởng **Đội QLTT số B** ban hành Quyết định kiểm tra đột xuất trong thời gian này là không đúng quy định. Quá trình giao và nhận Quyết định kiểm tra không đúng quy định về Mẫu biểu của Thông tư số: 22/2021/TT-BCT ngày 10/12/2021 của **Bộ C**. Ông **P** tự ý thêm vào đoạn văn bản Đại diện chính quyền địa phương chứng kiến; chủ Doanh nghiệp không có mặt tại thời điểm công bố Quyết định kiểm tra, không hề có thủ tục công bố vào ngày 14/01/2024 mà ông **P** chỉ giao Quyết định kiểm tra này cho ông **Nguyễn Đình N** chức vụ Địa chính - Xây dựng- Môi trường -Nông nghiệp **xã Đ huyện Đ, Tỉnh Kon Tum** và ông **Trần Viết T2 - Công an xã D, huyện Đ, tỉnh Kon Tum** đến địa điểm mà Doanh nghiệp hoạt động. Việc giao quyết định này vừa sai quy định về trình tự, thời gian, mẫu biểu và còn hơn nữa là sai về thành phần đại diện chính quyền địa phương khi giao Quyết định kiểm tra.

Thứ hai: Trong Biên bản kiểm tra số: 36020002/BB-KT ngày 15/01/2024 của Đội QLTT số 2, Tại Mục kết quả kiểm tra, Doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh từ năm 2015, việc khai thác khoáng sản tại địa điểm: đã được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác do **UBND tỉnh K** cấp) là hoạt động đúng pháp luật của Doanh nghiệp theo quy định. Từ thời điểm cấp đến khi hết thời hạn ghi trong Giấy phép, Doanh nghiệp không thay đổi địa điểm hay thành lập mới mà Đoàn Kiểm tra ghi nhận trong Biên bản kiểm tra, về việc này Doanh nghiệp không đồng ý vì lý do: địa điểm khai thác này Doanh nghiệp không

thành lập mới, hay thay đổi địa điểm mà phải đăng ký hay thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh. Doanh nghiệp tôi chấp hành việc cơ quan kiểm tra nhưng việc kiểm tra cần đúng quy định và đúng pháp luật. Việc kinh doanh của Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Kon Tum đều được cơ quan chức năng biết và quản lý theo đúng thẩm quyền.

Thứ ba: ông **P** lập Biên bản vi phạm hành chính không đúng về thời gian xảy ra vi phạm hành chính: trong Biên bản kiểm tra ghi nhận thời gian phát hiện vi phạm ở một mốc thời gian khác nhưng trong Biên bản vi phạm hành chính ông **P** lại điều chỉnh thời gian hoàn toàn khác không đúng quy định về “Giờ, ngày, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm” được quy định tại Điểm d Khoản 4 Điều 12 Nghị định Số: 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ. Cụ thể là tại trang số 1 mục kết quả kiểm tra của Biên bản kiểm tra: “tại thời điểm kiểm tra vào lúc 13 giờ 00 phút ngày 15/01/2024 Đoàn kiểm tra của Đội QLTT số 2 phát hiện Doanh nghiệp.” nhưng tại Biên bản vi phạm hành chính số: 36020002/BB-VPHC do ông **Nguyễn Đình P**- Đội trưởng Đội QLTT số 2-Trưởng đoàn kiểm tra lập ngày 15/01/2024 lại có nội dung được ghi tại Mục số 2, đã có hành vi vi phạm hành chính: “ vào lúc 15 giờ 10 phút ngày 15/01/2024 Đoàn kiểm tra phát hiện...”

Thứ tư: Trong Biên bản vi phạm hành chính, tại mục số 11 ông **Nguyễn Đình P** là người có thẩm quyền lập Biên bản đã mời bà **Trương Thị Thủy T** là chủ doanh nghiệp đến tại **Đội Quản lý thị trường số B** Kon Tum vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 19/01/2024 chị **Trương Thị Tú T1** là người được Doanh nghiệp ủy quyền đến để làm việc theo nội dung ghi tại mục 11 Biên bản vi phạm hành chính nhưng ông **P** không có mặt để cho Doanh nghiệp thực hiện quyền giải trình. Ông **P** không có mặt mà giao việc này cho nhân viên là ông **Huỳnh Văn T3** làm việc là không đúng thẩm quyền, gây phiền hà cho doanh nghiệp.

Tại phiên toà người khởi kiện cho rằng vi phạm đã được khắc phục ngay sau khi kiểm tra nên thời điểm ra quyết định xử phạt vi phạm đã được khắc phục.

Ý kiến của người bị kiện:

Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, lý do:

Quá trình thực hiện và ban hành các quyết định xử phạt là đúng quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 3 Điều 44 Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định: “ Địa điểm kinh doanh là nơi doanh nghiệp tiến hành hoạt động kinh doanh cụ thể”.

Khoản 1,2,3 Điều 20 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ quy định “ Tên Chi nhánh văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thực hiện theo quy định tại Điều 40 Luật Doanh nghiệp”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 31 Nghị Định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 quy định “ Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định lập địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp gửi thông báo lập địa điểm kinh doanh đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi đặt địa điểm kinh doanh”.

Nghị định số 122/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư “Kinh doanh ở địa điểm mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp (trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp) hoặc chi nhánh (trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh) thực hiện hoạt động kinh doanh quy định tại điểm a khoản 1 Điều 54 Nghị định số 122/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.

Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau: Hình thức xử phạt hành chính: Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Cụ thể: Phạt tiền 25.000.000 đồng áp dụng cho hành vi kinh doanh ở địa điểm mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp (trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp) hoặc chi nhánh (trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc Chi nhánh) thực hiện hoạt động kinh doanh theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Nghị định 122/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2024/HC-ST ngày 27/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Khoản 2 Điều 32, Điều 116, điểm a Khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ điểm a, b Khoản 1 Điều 6; Khoản 2, Khoản 3 Điều 61; Khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; điểm a Khoản 1 Điều 54 Nghị định số 122/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện **Doanh nghiệp tư nhân N1** về khiếu kiện hủy quyết định số 3602002/QĐ-XPVPHC ngày 26/01/2024 của Đội trưởng **đội quản lý thị trường số B- cục Quản lý thị trường tỉnh K.**

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Doanh nghiệp tư nhân Nhật mạnh có đơn kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2024/HC-ST ngày 27/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

Tại phiên toà phúc thẩm người khởi kiện, giữ nguyên nội dung kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng đây là vụ việc không thuộc trường hợp phức tạp nên **Đội Quản lý thị trường số B** đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính quá 7 ngày là không đúng, do đó đề nghị chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí theo đúng qui định của pháp luật. Các đương sự có mặt tham gia tố tụng tại phiên toà.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện:

Xét tính hợp pháp của Quyết định hành chính bị khởi kiện:

[2.1] Về thời hạn, thời hiệu ban hành quyết định số 3602002/QĐ-XPVPHC ngày 26/01/2024 của **Đội trưởng đội quản lý thị trường số B cục Quản lý thị trường tỉnh K** là đúng thời hiệu xử lý, thời hạn ban hành quyết định tại Điều 6 và Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 (sửa đổi, bổ sung 2014, 2017).

[2.2] Về hình thức: Quyết định số 3602002/QĐ-XPVPHC ngày 26/01/2024 được ban hành theo đúng quy định của Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ.

[2.3] Về thẩm quyền ban hành: quyết định số 3602002/QĐ-XPVPHC ngày 26/01/2024 do **Đội trưởng đội quản lý thị trường** ký là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 70 Nghị định số 38/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

[2.4] Về trình tự thủ tục ban hành quyết định:

Ngày 15/1/2024 đoàn kiểm tra của **Đội quản lý thị trường số B** (gồm ba công chức quản lý thị trường và đại diện UBND xã thành phần này được các đương sự công nhận tại phiên toà) kiểm tra và phát hiện **doanh nghiệp tư nhân N1** Kinh doanh ở địa điểm mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh nơi

doanh nghiệp thực hiện hoạt động kinh doanh là đúng sự thật (Sau khi sau khi kiểm tra vi phạm hành chính, N1 đã thực hiện việc thông báo theo quy định); với vi phạm này, Đội trưởng **Đội quản lý thị trường số B** đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định pháp luật.

Xét nội dung **Doanh nghiệp tư nhân N1** yêu cầu hủy Quyết định số 3602002/QĐ-XPVPHC vì cơ sở kinh doanh của công ty không vi phạm pháp luật, quá trình ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính có một số sai phạm:

Thứ nhất: Ngày 14/01/2024 là ngày nghỉ cuối tuần, doanh nghiệp không hoạt động kinh doanh, Đội trưởng **Đội QLTT** ban hành Quyết định kiểm tra đột xuất trong thời gian này là không đúng quy định, chủ Doanh nghiệp không có mặt tại thời điểm công bố Quyết định kiểm tra, không hề có thủ tục công bố vào ngày 14/01/2024 mà ông **P** chỉ giao Quyết định kiểm tra này cho ông **Nguyễn Đình N** chức vụ Địa chính - Xây dựng- Môi trường -Nông nghiệp **xã Đ huyện Đ, Tỉnh Kon Tum** và ông **Trần Viết T2 - Công an xã D, huyện Đ, tỉnh Kon Tum** đến địa điểm mà Doanh nghiệp hoạt động là không đúng quy định, việc lập biên bản vi phạm hành chính không đúng thời gian xảy ra vi phạm hành chính, Quyết định kiểm tra không đúng mẫu theo thông tư 22/2021/TT-BCT ngày 10/12/2021 của **Bộ C**, nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày ngày 23/12/2021.

Xét thấy, việc kiểm tra đột xuất là đúng quy định tại Điều 17; 18 Pháp lệnh Quản lý thị trường năm 2016; việc các cơ quan nhà nước thực hiện các nhiệm vụ ngoài giờ hành chính và các ngày nghỉ là không trái quy định pháp luật, nhằm thực hiện việc kiểm tra phát hiện vi phạm kịp thời; việc tiến hành kiểm tra có chính quyền địa phương, Công an xã tham gia thể hiện sự khách quan cũng như đảm bảo sự giám sát đối với hoạt động kiểm tra, giữ gìn an ninh trật tự trong hoạt động kiểm tra. Tại thời điểm kiểm tra, chủ doanh nghiệp không có mặt tại địa điểm kiểm tra thì việc kiểm tra vẫn có thể tiến hành nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn sai phạm nếu có, tuy nhiên trong trường hợp này các biên bản kiểm tra, biên bản vi phạm hành chính đều được chủ doanh nghiệp ký.

Thứ hai: Trong Biên bản kiểm tra số: 36020002/BB-KT ngày 15/01/2024 của **Đội QLTT số 2**, Tại Mục kết quả kiểm tra, Doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh từ năm 2015, việc khai thác khoáng sản tại địa điểm: đã được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (Giấy phép khai thác do **UBND tỉnh K** cấp) là hoạt động đúng pháp luật của Doanh nghiệp theo quy định. Từ thời điểm cấp đến khi hết thời hạn ghi trong Giấy phép, Doanh nghiệp không thay đổi địa điểm hay

thành lập mới mà Đoàn Kiểm tra ghi nhận trong Biên bản kiểm tra, về việc này Doanh nghiệp không đồng ý vì lý do: địa điểm khai thác này Doanh nghiệp không thành lập mới, hay thay đổi địa điểm mà phải đăng ký hay thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh. Doanh nghiệp tôi chấp hành việc cơ quan kiểm tra nhưng việc kiểm tra cần đúng quy định và đúng pháp luật. Việc kinh doanh của Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Kon Tum đều được cơ quan chức năng biết và quản lý theo đúng thẩm quyền.

Về nội dung này, HĐXX thấy rằng: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 31 Nghị Định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 quy định “ Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định lập địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp gửi thông báo lập địa điểm kinh doanh đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi đặt địa điểm kinh doanh". Việc N1 có địa chỉ doanh nghiệp tại **thôn H, xã D, huyện Đ** nhưng lại có địa điểm sản xuất kinh doanh tại **thôn E, xã D** là chưa thực hiện quy định này, chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Thứ ba: Về thời gian lập biên bản kiểm tra và biên bản vi phạm hành chính mà người khởi kiện trình bày, thấy rằng việc lập các biên bản này hoàn toàn không có mâu thuẫn gì về mặt thời gian (biên bản kiểm tra lập từ thời điểm kiểm tra đến khi kết thúc kiểm tra; sau khi kết thúc kiểm tra, phát hiện có vi phạm hành chính, việc lập biên bản vi phạm hành chính bắt đầu được thực hiện).

Lẽ ra trong biên bản vi phạm hành chính, **Đội quản lý thị trường số B** phải ghi đầy đủ từ ngày phát hiện vi phạm là ngày 14/1/2024 đến ngày kết thúc biên bản vi phạm là ngày 15/01/2024 mới đúng qui định về mặt thời gian thực tế kiểm tra, nên vấn đề này **Đội quản lý thị trường số B** cần rút kinh nghiệm.

Thứ tư: Tại biên bản vi phạm hành chính, **Đội trưởng Đội QLTT số B** yêu cầu chủ doanh nghiệp có mặt tại **Đội QLTT** để giải trình nhưng tại thời điểm đại diện của doanh nghiệp đến **Đội QLTT** để giải trình thì **Đội trưởng Đội QLTT** lại giao cho ông **Huỳnh Văn T3** làm việc là gây phiền hà cho doanh nghiệp, thấy nội dung này không ảnh hưởng đến quyền giải trình của người vi phạm, không bị cản trở khi **Đội trưởng Đội QLTT** vắng mặt. Việc ban hành quyết định xử phạt VPHC, không trái quy định.

Thứ năm: Sau khi lập biên bản vi phạm hành chính, **Đội quản lý thị trường số B** đã gửi cho **Doanh nghiệp tư nhân N1** để có thời gian giải trình và **Doanh nghiệp tư nhân N1** đã có văn bản giải trình nên thuộc trường hợp vụ việc phức tạp, do đó thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 30 ngày theo quy

định tại khoản 34 Điều 1 Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi 2020đổi Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012

Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính được quy định như sau:

a) Đối với vụ việc không thuộc trường hợp quy định tại điểm b và điểm c khoản này, thời hạn ra quyết định xử phạt là 07 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính; vụ việc thuộc trường hợp phải chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền xử phạt thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 10 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 63 của Luật này;

b) Đối với vụ việc mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu giải trình hoặc phải xác minh các tình tiết có liên quan quy định tại Điều 59 của Luật này thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 01 tháng, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính;

Từ những phân tích nêu trên không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo của người khởi kiện **Doanh nghiệp tư nhân N1** và ý kiến của kiểm sát viên tại phiên toà đối với yêu cầu hủy quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3602002/QĐ-XPVPHC ngày 26/01/2024 của Đội trưởng **đội quản lý thị trường số B- cục Quản lý thị trường tỉnh K**, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên **Doanh nghiệp tư nhân N1** phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 241 Luật tổ tụng hành chính:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện **Doanh nghiệp tư nhân N1**, giữ nguyên Bản án Hành chính sơ thẩm số 06/2024/HC-ST ngày 27/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Khoản 2 Điều 32, Điều 116, điểm a Khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ điểm a, b Khoản 1 Điều 6; Khoản 2, Khoản 3 Điều 61; Khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; điểm a Khoản 1 Điều 54 Nghị định số 122/2021/NĐ-CP ngày 28/12/2021 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện **Doanh nghiệp tư nhân N1** về khiếu kiện hủy quyết định số 3602002/QĐ-XPVPHC ngày 26/01/2024 của Đội trưởng **đội quản lý thị trường số B- cục Quản lý thị trường tỉnh K.**

2.2. Về án phí: Người khởi kiện **Doanh nghiệp tư nhân N1** phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000034 ngày 10/7/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum.

3. Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Cục THADS tỉnh Kon Tum;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Anh Dũng